UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HOÀNG HOA THÁM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2025 /QĐ-UBND	*Hoàng Hoa Thám, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG HOA THÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024 được sửa đổi bổ sung theo Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016 được sửa đổi theo Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026, quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao đất cho UBND xã Nhật Tân để thực hiện Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ cũ nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND xã Hoàng Hoa Thám: số 1994/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở đối với 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên; số 1982/QĐ-UBND ngày 12/6/2026 về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất đối với 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 437/TTr-KT ngày 12/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất đối với 102 suất đất tại Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng khu đấu giá:

- Tổng số thửa đất: 102 suất đất.

- Tổng diện tích đất ở: 10.452,09 m^2.

- Loại đất: Đất ở tại nông thôn.

- Mục đích sử dụng đất: Để xây nhà ở theo quy hoạch được duyệt.

- Hạ tầng kỹ thuật của các suất đất đấu giá: Xây dựng hạ tầng theo bản vẽ thiết kế mặt bằng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.

- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

3. Thông tin về quy hoạch, kế hoạch đấu giá:

- Khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mặt bằng quy hoạch và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất:

Lựa chọn đơn vị tổ chức cuộc đấu giá có đủ năng lực theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND - UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế xã và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lã Anh Tuấn

DANH SÁCH

Phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất đối với 102 suất đất tại khu dân cư mới Linh Hạ, xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ (cũ) nay là xã Hoàng Hoa Thám, tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 2025 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Hoàng Hoa Thám)

STT	Suất đất	Diện tích (m²)	Ghi chú
I	**LKA (52 suất)**	**4.759,50**	
1	LKA - 01	97,82	
2	LKA - 02	87,07	
3	LKA - 03	90,62	
4	LKA - 04	94,17	
5	LKA - 05	97,72	
6	LKA - 06	101,27	
7	LKA - 07	100,36	
8	LKA - 08	90,00	
9	LKA - 09	90,00	
10	LKA - 10	90,00	
11	LKA - 11	90,00	
12	LKA - 12	90,00	
13	LKA - 13	90,00	
14	LKA - 14	90,00	
15	LKA - 15	90,00	
16	LKA - 16	90,00	
17	LKA - 17	90,00	
18	LKA - 18	90,00	
19	LKA - 19	90,00	
20	LKA - 20	90,00	
21	LKA - 21	90,00	
22	LKA - 22	90,00	
23	LKA - 23	90,00	
24	LKA - 24	90,00	
25	LKA - 25	90,00	
26	LKA - 26	90,00	
27	LKA - 27	110,88	
28	LKA - 28	108,37	
29	LKA - 29	101,52	

30	LKA - 30	94,68	
31	LKA - 31	87,83	
32	LKA - 32	80,98	
33	LKA - 33	86,21	
34	LKA - 34	90,00	
35	LKA - 35	90,00	
36	LKA - 36	90,00	
37	LKA - 37	90,00	
38	LKA - 38	90,00	
39	LKA - 39	90,00	
40	LKA - 40	90,00	
41	LKA - 41	90,00	
42	LKA - 42	90,00	
43	LKA - 43	90,00	
44	LKA - 44	90,00	
45	LKA - 45	90,00	
46	LKA - 46	90,00	
47	LKA - 47	90,00	
48	LKA - 48	90,00	
49	LKA - 49	90,00	
50	LKA - 50	90,00	
51	LKA - 51	90,00	
52	LKA - 52	90,00	
II	**LKB (27 suất)**	**2.498,68**	
53	LKB -01	91,58	
54	LKB -02	85,46	
55	LKB -03	92,30	
56	LKB -04	99,15	
57	LKB -05	106,00	
58	LKB -06	112,84	
59	LKB -07	115,35	
60	LKB -08	90,00	
61	LKB -09	90,00	
62	LKB -10	90,00	
63	LKB -11	90,00	
64	LKB -12	90,00	
65	LKB -13	90,00	
66	LKB -14	90,00	

67	LKB -15	90,00	
68	LKB -16	90,00	
69	LKB -17	88,00	
70	LKB -18	88,00	
71	LKB -19	90,00	
72	LKB -20	90,00	
73	LKB -21	90,00	
74	LKB -22	90,00	
75	LKB -23	90,00	
76	LKB -24	90,00	
77	LKB -25	90,00	
78	LKB -26	90,00	
79	LKB -27	90,00	
III	**LKC (23 suất)**	**3.193,91**	
80	LKC -01	89,67	
81	LKC -02	86,28	
82	LKC -03	93,13	
83	LKC -04	99,97	
84	LKC -05	106,82	
85	LKC -06	109,33	
86	LKC -07	153,03	
87	LKC -08	152,85	
88	LKC -09	152,67	
89	LKC -10	152,49	
90	LKC -11	152,31	
91	LKC -12	152,13	
92	LKC -13	151,96	
93	LKC -14	151,78	
94	LKC -15	151,60	
95	LKC -16	151,42	
96	LKC -17	151,24	
97	LKC -18	151,06	
98	LKC -19	150,88	
99	LKC -20	150,70	
100	LKC -21	150,52	
101	LKC -22	150,34	
102	LKC -23	181,73	
Tổng cộng		**10.452,09**	